

Số: **37** /2011/TTLT-BNNPTNT-BNV

Hà Nội, ngày **23** tháng **5** năm 2011

THÔNG TƯ LIÊN TỊCH

Hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Chi cục Thú y trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Căn cứ Nghị định số 178/2007/NĐ-CP ngày 03 tháng 12 năm 2007 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang Bộ;

Căn cứ Nghị định số 01/2008/NĐ-CP ngày 03 tháng 01 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Nghị định số 75/2009/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2009 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Điều 3 Nghị định số 01/2008/NĐ-CP ngày 03 tháng 01 năm 2008;

Căn cứ Nghị định số 48/2008/NĐ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nội vụ;

Căn cứ Nghị định số 33/2005/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2005 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Thú y;

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Chi cục Thú y trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là cấp tỉnh) như sau:

Điều 1. Vị trí và chức năng

1. Chi cục Thú y là tổ chức trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, giúp Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tham mưu cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về thú y (bao gồm cả thú y thủy sản) trên địa bàn tỉnh.

2. Chi cục Thú y có tư cách pháp nhân, có trụ sở, con dấu, kinh phí hoạt động và tài khoản riêng theo quy định của pháp luật.

3. Chi cục Thú y chịu sự chỉ đạo, quản lý về tổ chức, biên chế và hoạt động của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; đồng thời chịu sự hướng dẫn, kiểm tra về chuyên môn, nghiệp vụ của Cục Thú y trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Điều 2. Nhiệm vụ và quyền hạn

1. Tham mưu, giúp Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trình cấp có thẩm quyền ban hành các văn bản, quy phạm pháp luật, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, đề án, dự án, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, quy trình, quy phạm, định mức kinh tế - kỹ thuật về chuyên ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý.

2. Tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, đề án, dự án, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, quy trình, quy phạm, định mức kinh tế - kỹ thuật về thú y đã được phê duyệt; thông tin tuyên truyền, phổ biến pháp luật về chuyên ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý.

3. Trình Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền các văn bản cá biệt về chuyên ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý.

4. Phòng, chống dịch bệnh động vật:

a) Tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện các dự án, chương trình khống chế, thanh toán dịch bệnh động vật và tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện;

b) Kiểm tra, giám sát định kỳ hoặc đột xuất các bệnh động vật thuộc Danh mục các bệnh phải kiểm tra theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại các cơ sở chăn nuôi, sản xuất con giống trên địa bàn tỉnh (trừ các cơ sở chăn nuôi do Trung ương quản lý, cơ sở giống quốc gia);

c) Tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện kế hoạch tiêm vắc xin phòng các bệnh bắt buộc theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

d) Thực hiện việc chẩn đoán, xét nghiệm và điều trị bệnh cho động vật; kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy định về phòng, chống dịch bệnh động vật; điều tra, giám sát, phát hiện dịch bệnh động vật; hướng dẫn khoanh vùng, xử lý ổ dịch, tiêu độc khử trùng, phục hồi môi trường chăn nuôi sau khi hết dịch bệnh;

đ) Hướng dẫn các biện pháp phòng, chống dịch bệnh; hướng dẫn mạng lưới thú y xã, phường, thị trấn (sau đây gọi là thú y cấp xã) giám sát, phát hiện, ngăn chặn, xử lý các ổ dịch mới và kiểm soát các ổ dịch cũ;

e) Báo cáo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công bố dịch và công bố hết dịch bệnh động vật;

g) Phối hợp với Chi cục Kiểm lâm trong việc thẩm định điều kiện vệ sinh thú y và giám sát tình hình dịch bệnh của các cơ sở nuôi động vật hoang dã trên địa bàn tỉnh;

h) Huy động các cá nhân, tổ chức hành nghề thú y trên địa bàn tỉnh tham gia tiêm vắc xin phòng bệnh cho động vật, tham gia chống dịch bệnh động vật;

i) Yêu cầu cá nhân, tổ chức hành nghề thú y cung cấp thông tin về tình hình dịch bệnh động vật và báo cáo về hoạt động hành nghề thú y theo quy định.

5. Xây dựng vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh động vật:

a) Tham mưu, giúp Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt dự án, chương trình, kế hoạch xây dựng vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh trên địa bàn tỉnh;

b) Thực hiện trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước về thú y đối với vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

6. Kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật; kiểm soát giết mổ; kiểm tra vệ sinh thú y:

a) Thực hiện việc kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật lưu thông trong nước; quản lý, giám sát động vật, sản phẩm động vật nhập khẩu sau thời gian cách ly kiểm dịch;

b) Kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật xuất khẩu, nhập khẩu, tạm nhập tái xuất, tạm xuất tái nhập, chuyển khẩu, quá cảnh lãnh thổ Việt Nam tại các cửa khẩu được ủy quyền theo quy định của pháp luật;

c) Tổ chức thực hiện việc kiểm soát giết mổ động vật; sơ chế, bảo quản, kinh doanh sản phẩm động vật phục vụ tiêu dùng trong nước;

d) Kiểm tra vệ sinh thú y đối với sản phẩm động vật ở dạng tươi sống và sơ chế lưu thông trên thị trường; thức ăn chăn nuôi, nguyên liệu sản xuất thức ăn chăn nuôi có nguồn gốc từ động vật; chất thải động vật tại các cơ sở chăn nuôi tập trung, cơ sở giết mổ, sơ chế động vật thuộc phạm vi quản lý;

đ) Kiểm tra điều kiện vệ sinh thú y và cấp giấy chứng nhận vệ sinh thú y đối với các cơ sở chăn nuôi tập trung; cơ sở sản xuất, kinh doanh con giống (trừ các cơ sở chăn nuôi do Trung ương quản lý, cơ sở giống quốc gia); cơ sở giết mổ động vật, cơ sở sơ chế, chế biến, đóng gói, bảo quản sản phẩm động vật phục vụ tiêu dùng trong nước; cơ sở, cửa hàng kinh doanh động vật, sản phẩm động vật ở dạng tươi sống và sơ chế; cơ sở, khu tập trung, cách ly kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật, vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh động vật theo ủy quyền của Cục Thú y;

e) Kiểm tra điều kiện vệ sinh thú y; hướng dẫn, giám sát việc thực hiện hoặc trực tiếp thực hiện việc vệ sinh, khử trùng tiêu độc nơi tập trung động

vật, sản phẩm động vật tham gia hội chợ, triển lãm, biểu diễn thể thao, nghệ thuật;

g) Hướng dẫn, giám sát việc thực hiện hoặc trực tiếp thực hiện việc vệ sinh, khử trùng tiêu độc đối với các cơ sở có hoạt động liên quan đến thú y, phương tiện vận chuyển, dụng cụ chứa đựng động vật, sản phẩm động vật, chất thải động vật; xử lý động vật, sản phẩm động vật không đủ tiêu chuẩn vệ sinh thú y; xử lý chất thải, phương tiện vận chuyển, các vật dụng có liên quan đến động vật, sản phẩm động vật không đủ tiêu chuẩn vệ sinh thú y;

h) Cấp và thu hồi trang phục kiểm dịch; thu hồi thẻ kiểm dịch viên động vật, biển hiệu kiểm dịch động vật theo quy định;

i) Phối hợp với các cơ quan, đơn vị thuộc Cục Thú y thẩm định địa điểm, điều kiện vệ sinh thú y trong quá trình xây dựng cơ sở giết mổ động vật, sơ chế, bảo quản sản phẩm động vật phục vụ xuất khẩu, khu cách ly kiểm dịch động vật xuất, nhập khẩu.

7. Quản lý thuốc thú y, chế phẩm sinh học, vi sinh vật, hóa chất (sau đây gọi là thuốc thú y) dùng trong thú y, trừ các sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường dùng trong thủy sản:

a) Quản lý việc kinh doanh, sử dụng thuốc thú y trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật;

b) Hướng dẫn sử dụng các loại thuốc thú y để phòng bệnh, chữa bệnh, chống dịch bệnh cho động vật;

c) Thẩm định điều kiện vệ sinh thú y đối với cơ sở thử nghiệm, khảo nghiệm thuốc thú y và giám sát quá trình thử nghiệm, khảo nghiệm thuốc thú y theo quy định;

d) Kiểm tra và cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh thuốc thú y đối với cửa hàng, đại lý kinh doanh thuốc thú y trên địa bàn tỉnh.

8. Cấp, thu hồi các loại chứng chỉ hành nghề thú y sau đây:

a) Tiêm phòng, xét nghiệm (bao gồm cả xét nghiệm phi lâm sàng), chẩn đoán bệnh, kê đơn, chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe động vật;

b) Phẫu thuật động vật;

c) Kinh doanh thuốc thú y;

d) Các hoạt động tư vấn, dịch vụ khác có liên quan đến thú y.

9. Cấp, thu hồi các loại giấy chứng nhận về thú y theo quy định của pháp luật.

10. Tổ chức quản lý việc thu, nộp và sử dụng phí, lệ phí theo quy định của pháp luật.

11. Đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ, chuyên môn nghiệp vụ cho công chức, viên chức thuộc Chi cục.

12. Tập huấn, bồi dưỡng kiến thức chuyên môn nghiệp vụ, chế độ, chính sách và pháp luật về thú y cho nhân viên thú y cấp xã và các tổ chức, cá nhân có hoạt động liên quan đến thú y trên địa bàn tỉnh.

13. Tổ chức thực hiện các dịch vụ kỹ thuật thú y theo quy định chung của pháp luật.

14. Tổ chức thực hiện các hoạt động hợp tác quốc tế về thú y theo quy định; nghiên cứu, triển khai ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật về thú y.

15. Thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành về thú y theo quy định của pháp luật. Giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo trong lĩnh vực thú y.

16. Báo cáo định kỳ và đột xuất về tình hình dịch bệnh động vật, kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật, kiểm soát giết mổ, kiểm tra vệ sinh thú y, quản lý thuốc thú y và các hoạt động khác liên quan đến thú y theo hướng dẫn của Cục Thú y.

17. Quản lý tổ chức, biên chế, công chức, viên chức, tài chính, tài sản thuộc Chi cục theo phân cấp của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và quy định của pháp luật.

18. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn giao.

Điều 3. Cơ cấu tổ chức

1. Lãnh đạo Chi cục:

a) Chi cục có Chi cục trưởng và không quá 03 Phó Chi cục trưởng;

b) Chi cục trưởng chịu trách nhiệm trước Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và trước pháp luật về toàn bộ hoạt động của Chi cục. Phó Chi cục trưởng chịu trách nhiệm trước Chi cục trưởng và trước pháp luật về lĩnh vực công tác được phân công;

c) Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Chi cục trưởng, Phó Chi cục trưởng thực hiện theo quy định của pháp luật và phân cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

2. Cơ cấu tổ chức:

Căn cứ vào khối lượng công việc, tính chất, đặc điểm quản lý nhà nước về thú y ở địa phương, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ

trì, phối hợp với Giám đốc Sở Nội vụ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định cụ thể về số lượng, tên gọi các tổ chức của Chi cục Thú y như sau:

a) Số lượng phòng chuyên môn nghiệp vụ của Chi cục không quá 4 phòng, đảm bảo bao quát được các lĩnh vực cơ bản sau đây: hành chính, tổng hợp; dịch tễ thú y; kiểm dịch động vật; thú y cộng đồng.

Đối với các tỉnh không có phòng Chăn nuôi thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Chi cục Thú y được giao nhiệm vụ quản lý chuyên ngành về chăn nuôi thì Chi cục được thành lập thêm phòng Chăn nuôi và Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn không được thành lập thêm phòng chuyên môn khác về lĩnh vực này.

b) Các đơn vị trực thuộc:

- Các Trạm Thú y huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (sau đây gọi là Trạm thú y cấp huyện);

- Trạm Chẩn đoán xét nghiệm và điều trị bệnh động vật;

- Trạm Kiểm dịch động vật đầu mối giao thông (thành lập theo quy hoạch của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn);

- Trạm Kiểm dịch động vật cửa khẩu được ủy quyền theo quy định của pháp luật.

Các Trạm trực thuộc Chi cục Thú y có trụ sở, con dấu, kinh phí hoạt động theo quy định của pháp luật.

c) Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm Trưởng phòng, Phó trưởng phòng, Trưởng trạm, Phó trưởng Trạm thực hiện theo quy định của pháp luật và phân cấp của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

d) Chi cục trưởng Chi cục Thú y quy định chức năng, nhiệm vụ và quy chế làm việc của các đơn vị trực thuộc theo phân cấp của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

3. Biên chế:

a) Biên chế công chức của Chi cục, bao gồm chi cục trưởng, phó chi cục trưởng, người làm việc trong các phòng chuyên môn nghiệp vụ của Chi cục.

b) Biên chế sự nghiệp của Chi cục do Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quyết định phân bổ trong tổng số biên chế sự nghiệp của Sở được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

Thông tư liên tịch này có hiệu lực thi hành sau 45 ngày kể từ ngày ký ban hành.


Điều 5. Trách nhiệm thi hành

1. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Thông tư liên tịch này.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phản ánh về Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để thống nhất với Bộ Nội vụ để xem xét, giải quyết./.

BỘ TRƯỞNG
BỘ NỘI VỤ *Chet*

Trần Văn Tuấn

BỘ TRƯỞNG
BỘ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Cao Đức Phát

Nơi nhận:

- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Sở NN và PTNT, Sở Nội vụ các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Công báo;
- Website: Chính phủ; Bộ NN và PTNT; Bộ Nội vụ;
- Các Cục, Vụ, Văn phòng Bộ, Thanh tra Bộ và đơn vị trực thuộc Bộ NN và PTNT;
- Vụ Tổ chức cán bộ (Bộ NN và PTNT); Vụ Tổ chức - Biên chế (Bộ Nội vụ);
- Lưu: VT các Bộ: NN và PTNT, Nội vụ.